

ĐÓNG GÓP CỦA TRIẾT HỌC TÂY ÂU THỜI PHỤC HƯNG VỀ VẤN ĐỀ CON NGƯỜI

Nguyễn Thị Kiều Sương

Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học Huế

Email: nguyentkieuuong@yahoo.com.vn

TÓM TẮT

Để đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội, đồng thời thể hiện thế giới quan và hệ tư tưởng của giai cấp tư sản trong thời kỳ bình minh cách mạng của nó, triết học thời kỳ Phục hưng hướng trọng vào vấn đề con người, giải phóng con người và quan hệ giữa con người và thế giới. Trong thời kỳ này, xu hướng khôi phục lại nền văn hóa cổ đại, trên cơ sở nền kinh tế mới diễn ra một cách mạnh mẽ. Trong đó có việc khôi phục lại những quan niệm của triết học cổ đại về con người trên tinh thần chủ nghĩa nhân đạo tư sản. Nhưng do ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử mới, cũng như những luồng tư tưởng mới, triết học thời kỳ này không đơn thuần dừng lại ở việc tiếp thu và khôi phục các giá trị tư tưởng truyền thống, mà còn, phát triển với nhiều đặc sắc. Triết học thời kỳ Phục hưng đã để lại cho lịch sử tư tưởng nhân loại nhiều giá trị to lớn, đặc biệt là trên vấn đề về con người. Chính những quan niệm có giá trị về con người trong thời kỳ này đã đặt nền móng cho sự phát triển của khoa học và triết học ở Tây Âu về sau này.

Từ khóa: *Đóng góp, triết học Tây Âu thời kỳ Phục hưng, vấn đề con người*

1. Ở Tây Âu, bước sang thời kỳ Phục hưng, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa bắt đầu ra đời và phát triển, sau đó liên tiếp diễn ra các cuộc cách mạng tư sản làm rung chuyển ngai vàng của chế độ phong kiến, đẩy nó mau chóng tới chỗ sụp đổ. Đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội, đồng thời thể hiện thế giới quan và hệ tư tưởng của giai cấp tư sản trong thời kỳ bình minh cách mạng của nó, triết học và khoa học tự nhiên hướng trọng vào vấn đề con người. Vì thế, vấn đề con người và giải phóng con người, quan hệ giữa con người và thế giới trở thành trung tâm của các quan niệm triết học trong thời kỳ này.

Thời Trung cổ, với nền sản xuất trình độ thấp và do ảnh hưởng nặng nề của thế giới quan tôn giáo, con người ở thế thụ động, chỉ biết thờ phụng Chúa, cầu mong được rửa tội, trọng tâm của triết học lúc này là vấn đề thế giới này do Chúa sáng tạo hay nó vẫn tồn tại như thế từ xưa đến nay? Bước sang thời kỳ Phục hưng, xu hướng khôi phục lại nền văn hóa cổ đại, trên cơ sở nền kinh tế mới diễn ra một cách mạnh mẽ. Trong đó, có việc khôi phục lại những quan niệm của triết học cổ đại về con người trên tinh thần chủ nghĩa nhân đạo tư sản. Các tư tưởng đề cao con người, coi “con người là thước đo tất cả mọi vật” của Prôtago cũng như quan niệm của Xôcrát coi triết học là sự tự ý thức của con người đã có ảnh hưởng lớn đến triết học thời kỳ này.

Chẳng hạn như *Nicôlai Kudan* (1401 – 1464) một trong những người đầu tiên dám phê phán mạnh mẽ các giáo lý Trung cổ mở đầu thời kỳ triết học Phục hưng; ông coi con người là sản phẩm tối cao và tinh túy nhất trong sự sáng tạo của Thượng đế; thậm chí còn xem con người là một Thượng đế - vị chúa tể đang làm biến đổi các sự vật tự nhiên. Ông khẳng định “con người chính là thế giới của con người bao quát dưới dạng tiềm tàng toàn bộ Thượng đế và thế giới..., nội tâm và triển vọng của con người đó là tất cả”¹. Còn *Lêôna Đờ Vanhxi* (1452 – 1519) lại xem con người là vũ khí vĩ đại nhất của tạo hóa. Dựa trên cơ sở những cái có sẵn trong tự nhiên, con người sáng tạo ra những vật mới phục vụ cho cuộc sống của mình.

Do ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử mới, cũng như những luồng tư tưởng mới, *triết học thời kỳ này không đơn thuần dừng lại ở việc tiếp thu và khôi phục các giá trị tư tưởng truyền thống, mà còn, phát triển với nhiều đặc sắc*, như Ăng-ghe-n đã nhận xét: “Đó là một thời đại cần có những con người khổng lồ và đã sinh ra những con người khổng lồ: khổng lồ về năng lực suy nghĩ, về nhiệt tình và tính cách, khổng lồ về mặt có tầm tài, tầm nghệ và về mặt học thức sâu rộng”²

2. Có thể nói, thời kỳ Phục hưng với sự phát triển mạnh của sản xuất và khoa học, đã chứng minh sức mạnh vĩ đại của con người; cũng vì thế những giá trị cùng sức mạnh trong nhận thức và cải tạo của con người được đề cao trong triết học. Ở Italia, đã dấy lên khẩu hiệu “con người hãy thờ phụng chính bản thân mình, chiêm ngưỡng cái đẹp của chính mình”. Tượng “Người khổng lồ” (Đavít) của nhà điêu khắc Mikenlan Giêlô đã trở thành biểu trưng cho con người thời kỳ này. Đó là con người tràn đầy sức sống và hoài bão tự do mãnh liệt.

Triết học thời kỳ này quan tâm chứng minh sức mạnh vĩ đại của con người, đề cao vai trò thực tiễn của con người, xem con người ‘là thước đo tất thảy mọi vật’; các giá trị văn hóa, nghệ thuật của con người đặc biệt được quan trọng; con người được coi là sản phẩm tối cao và tinh túy nhất trong sự sáng tạo của Thượng đế; con người là vũ khí vĩ đại nhất của tạo hóa, con người biết dựa trên các sự vật tự nhiên để sáng tạo ra các sự vật mới phục vụ cho cuộc sống của mình.

Giờ đây, không phải quan hệ giữa Chúa và thế giới, mà chính là quan hệ giữa con người và thế giới trở thành vấn đề trung tâm của các khuynh hướng triết học. Nhiều nhà tư tưởng đã ý thức được sự cần thiết phải xây dựng một “*triết học thực tiễn, nhờ đó con người hiểu biết sức mạnh... của tất cả các sự vật khác xung quanh ta cũng thấu đáo như những công việc của những người thợ thủ công, bằng cách đó, chúng ta ó thể sử dụng chúng trong các hoạt động của mình, đồng thời biến mình thành những chủ nhân và chúa tể của giới tự nhiên*”³. Điều đó được thể hiện rõ trong hệ thống triết học của các nhà triết học thời kỳ này như: *Lêôna Đờ Vanhxi* (1452 – 1519) trong khi phê phán các quan niệm của thần học và giáo hội, ông tìm cách xây dựng hệ thống thế giới quan khoa học thực sự dựa trên cơ sở kinh nghiệm và thực nghiệm,

¹ Bộ Giáo dục và Đào tạo. Lịch sử triết học, Nxb. Giáo dục, 1999, tr.212.

² C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.20, tr.254.

³ Nguyễn Hữu Vui: *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.247.

đề cao vai trò của kinh nghiệm trong nhận thức; còn *Galilê Galilê* (1564 – 1642) khi đề cập đến con người, đã đặc biệt đề cao sức mạnh trí tuệ của con người trong hoạt động nhận thức thế giới, coi quá trình nhận thức giới tự nhiên là vô tận.

Triết học Tây Âu thời kỳ này cũng đã phản ánh: cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản nhằm giải phóng con người khỏi gông cùm chật hẹp của thế giới quan tôn giáo thời Trung cổ. Ví thế, các tư tưởng nhân đạo đặc biệt phát triển. Ở đây chủ nghĩa nhân đạo coi trọng con người, thẩm nhuần tinh thần lạc quan tin tưởng vào sức mạnh con người và quyền của con người được hưởng mọi thú vui trên thế gian. Do hoàn cảnh lịch sử, trên bước đường thiết lập sự thống trị của mình, giai cấp tư sản vẫn chịu sự ảnh hưởng khá lớn của tư tưởng phong kiến, nên những quan điểm nhân đạo chưa thật sự triệt để; chủ nghĩa nhân đạo còn nhiều hạn chế: chỉ đấu tranh giải phóng cá nhân khỏi sự kìm kẹp của chế độ phong kiến và áp bức về tinh thần của giáo hội, còn nó không đề ra mục tiêu giải phóng cá nhân người lao động thoát khỏi bóc lột và áp bức – đó là chủ nghĩa nhân đạo tư sản.

Cũng trong hoàn cảnh đó, một số triết gia tư sản còn đưa ra mô hình lý tưởng của xã hội tương lai không có đặc quyền phong kiến, dựa trên sự bình đẳng hoàn toàn và phát triển năng lực tinh thần của con người. Song, họ đã không tìm ra được các lực lượng xã hội cần thiết để thực hiện và không nhận thấy vai trò động lực của lợi ích cá nhân trong hoạt động xã hội của con người. Chẳng hạn như *Tômát Morơ* (1478 – 1535) nhà nhân đạo nổi tiếng người Anh, một trong những nhà sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản không tưởng. Ông đã phê phán mọi bất công và tệ nạn của xã hội Anh thời đó; ông cũng chỉ ra rằng nguyên nhân của mọi bất công và tệ nạn xã hội là do sự thống trị của chế độ tư hữu. Từ đó, ông xây dựng tác phẩm nổi tiếng “*Utópia*”, trong đó đưa ra mô hình xã hội lý tưởng xây dựng trên hòn đảo *Utópia* do ông nghĩ ra. Theo ông, xã hội đó phải dựa trên sở hữu cộng đồng, trong đó, mọi sản phẩm lao động làm ra phải được phân phối đều. Mọi thành viên trong xã hội đều phải được bình đẳng. Trong xã hội không còn sở hữu tư nhân cũng như tiền tệ. Cả lao động trí óc và lao động chân tay của mọi người đều được coi trọng. Chúng không còn chỉ là nhu cầu cuộc sống mà còn là nhu cầu đạo đức.

Tômăđô Cămpanenla (1568 – 1639), ông là nhà khoa học tự nhiên, nhà cộng sản không tưởng nổi tiếng người Italia. Phát triển các tư tưởng nhân đạo của *Tômát Morơ*, ông cho rằng, phải cải tạo lại toàn bộ xã hội thì mới đảm bảo cho con người hạnh phúc. Ông đưa ra mô hình xã hội lý tưởng xây dựng trên tác phẩm *Thành phố Mặt trời* mà ông tưởng tượng ra, xã hội ấy phải được xây dựng trên cơ sở chế độ công hữu. Tuy nhiên, khác với *Morơ*, ông cho rằng, việc xóa bỏ chế độ tư hữu phải đi đôi với việc triệt tiêu gia đình, bởi vì việc xuất hiện gia đình dẫn đến nảy sinh sở hữu tư nhân. Vì thế, xã hội tương lai phải dựa trên chế độ quần hôn, và do đó, cần phải giám sát chặt chẽ những đứa trẻ được sinh ra bằng các phương pháp nhân chủng học. Trong *Thành phố Mặt trời* tất cả mọi người đều phải lao động nhưng để tạo điều kiện cho mọi người có thời gian nghỉ ngơi, giờ làm việc mỗi ngày giảm xuống còn 4 giờ. “*Nhìn chung các quan niệm của Cămpanenla, cũng như của Morơ đều mang tính không tưởng vì chúng không tìm được các lực lượng xã hội thực hiện các ý tưởng đó. Cả Morơ và Cămpanenla đều mơ ước*

xây dựng một xã hội cộng đồng, nhưng hoàn toàn không nhận thấy vai trò của lợi ích cá nhân trong hoạt động con người. Có thể nói, các quan niệm xã hội của Morơ và Cămpanlenla thực chất là chủ nghĩa cộng sản Cơ đốc giáo thời đó. Chúng mang tính nhân đạo sâu sắc.”⁴

Mặt khác, do điều kiện lịch sử, triết học thời kỳ này vẫn không thể thoát khỏi sự ảnh hưởng của tôn giáo, mà biểu hiện là sự ảnh hưởng của các quan niệm tự nhiên thần luận, phiếm thần luận vẫn còn nặng nề. Điều đó cho thấy, sự phức tạp và dai dẳng của cuộc đấu tranh giữa triết học và khoa học chân chính trong việc giải quyết các vấn đề bản chất, vai trò xã hội của con người. Vì vậy, ở thời kỳ này cuộc đấu tranh giữa các trường phái duy tâm và duy vật trong triết học, thường gắn liền với cuộc đấu tranh của triết học và khoa học nhằm thoát khỏi những ảnh hưởng của thần học và giáo hội. “Có quan niệm cho rằng, con người là sản phẩm của tạo hóa, là sản phẩm của tự nhiên, nhưng vẫn còn tồn tại quan niệm coi con người là một thực thể bao gồm thể xác và linh hồn: linh hồn con người, theo đó, được chia ra linh hồn cảm tính và linh hồn lý tính; linh hồn lý tính bắt nguồn từ Thượng đế. Quan niệm đó thể hiện sự pha trộn yếu tố duy vật với yếu tố duy tâm, hữu thần và vô thần, mà về thực chất là biểu hiện của sự thỏa hiệp của giai cấp tư sản đối với tôn giáo và thần học”⁵.

3. Nhìn chung các nhà nhân đạo chủ nghĩa thời Phục hưng đều đứng trên tinh thần tự nhiên thần luận, khơi dậy những tinh hoa của nền văn minh cổ đại, ca ngợi sức mạnh và vẻ đẹp của con người. Tư tưởng nhân đạo ở đây không còn lấy Thượng đế mà lấy chính con người làm trung tâm và thước đo tất thảy mọi việc; các giá trị hiện thực của con người được đề cao; hình tượng con người cường tráng, ngẩng cao đầu đòi tự do và chân lý đã trở thành phương châm tư tưởng và văn hóa thời kỳ này. Luồng tư tưởng này nhanh chóng tập hợp được mọi tầng lớp tiến bộ trong xã hội, nhất là tầng lớp thị dân đang lớn mạnh tham gia vào cuộc đấu tranh xóa bỏ mọi xiềng xích gông cùm của giáo lý Trung cổ và đề cao sức sống của con người.

Đặc biệt, các nhà triết học duy vật, càng ngày càng nhận thấy vai trò to lớn của thể xác của con người đối với sự phát triển trí tuệ và nhân cách. Và với thế giới quan mới tiến bộ của mình, các nhà triết học duy vật đã có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển khoa học, đóng góp lớn vào các cuộc đấu tranh chính trị - xã hội; quan điểm của họ trở thành cơ sở triết học cho những tư tưởng tiến bộ cách mạng về con người sau này.

Để đi đến quan niệm coi con người như một thể thống nhất giữa mặt sinh học, và mặt xã hội, thì chưa một trường phái triết học nào thời kỳ này đạt được; ở đây con người mới được đề cập chủ yếu ở khía cạnh cá thể, còn bản chất xã hội của nó chưa được đề cao. Mặc dù vậy, những tư tưởng về xã hội học của các triết gia tiến bộ thời kỳ này đã phê phán sâu sắc xã hội phong kiến đương thời, đòi tự do bình đẳng theo quan niệm tư sản, góp phần chuẩn bị cho các cuộc cách mạng tư sản bùng nổ. Vì thế, có thể nói triết học thời kỳ Phục hưng ở Tây Âu đã để lại cho lịch sử tư tưởng nhân loại nhiều giá trị to lớn, đặc biệt là trên vấn đề về con người. Chính những quan niệm có giá trị về con người trong thời kỳ này đã đặt nền móng cho sự phát triển

⁴ Nguyễn Hữu Vui: *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.262.

⁵ Vũ Minh Tâm (Chủ biên): *Tư tưởng triết học về con người*, Nxb. Giáo dục, 1996, tr.154.

của khoa học và triết học ở Tây Âu về sau này. Cho nên việc nghiên cứu các di sản triết học thời kỳ Phục hưng đặc biệt là “vấn đề con người trong triết học Tây Âu thời kỳ Phục hưng” là hết sức cần thiết, góp phần giúp ta hiểu được tiến trình phát triển tư tưởng nhân loại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1999). *Lịch sử triết học*, Nxb. Giáo dục.
- [2]. C.Mác và Ph.Ăngghen (1994). *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.20.
- [3]. Nguyễn Hữu Vui (2002). *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Vũ Minh Tâm (Chủ biên) (1996). *Tư tưởng triết học về con người*, Nxb. Giáo dục.

CONTRIBUTION OF RENAISSANCE PHILOSOPHY IN WESTERN EUROPE ABOUT HUMAN ISSUES

Nguyen Thi Kieu Suong

Department of Philosophy, Hue University of Sciences

Email: nguyentkieu suong@yahoo.com.vn

ABSTRACT

To be suitable to the requirements of social development, simultaneously reflecting the worldview and ideology of the bourgeoisie, during the period of revolutionary dawn, Renaissance philosophy focussed on human problems, human liberation and the relationship between human and the world. In the period, there is a trend to restore the ancient cultures based on the new economy took place forcefully, in which restoring the concepts of ancient philosophy on human in the bourgeo is humanism spirit. But, due to the new historical circumstances as well as the flow of new ideas, philosophy not only received and restored the value of traditional ideas but also developed specially. Renaissance Philosophy history has left lots of great values for human's ideology history, especially human problems. The concepts themselves having great values on human in this period laid the foundation for the development of science and philosophy in Western Europe afterwards

Keywords: *Contribution, human issues, renaissance philosophy in Western Europe.*

